

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17.8.2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 1. Ông Huỳnh Văn Gốc
 2. Bà Trần Thúy Kiên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TB-TLVA ngày 08.5.2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị Thu T** sinh năm 1985
HKTT: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại: ấp x, xã Y, thành phố Z, tỉnh Đồng Tháp.
 2. *Bị đơn*: Anh **Đỗ Trọng N** sinh năm 1985
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
 3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
Cháu **Đỗ Võ Bảo K** (nữ) sinh ngày 15.6.2013
(đang sống với chị T tại khu vực A, phường B, quận T; và do chị T là người giám hộ).
- (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 21.11.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:*

Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Đỗ Trọng N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân xã Y, thành phố Z vào ngày 24.12.2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống riêng, cất nhà buôn bán tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, anh N không chí thú làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, rượu trà, thậm chí nhiều lần đánh đập chị nên từ năm 2019 chị về sống chung nhà cha mẹ ruột tại xã Y, thành phố Z, tỉnh Đồng Tháp để ly thân với anh N từ đó đến nay.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Đỗ Trọng N; Về con chung: chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung Đỗ Võ Bảo K, sinh ngày 15.6.2013 đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng mà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn anh Đỗ Trọng N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 100/2020/TB.TLVA ngày 08.5.2020; Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 63/2020/TB.TA ngày 25.5.2020; số 71/2020/TB.TA ngày 10.6.2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020 ngày 01.7.2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22.7.2020 nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Thu T đối với bị đơn anh Đỗ Trọng N; Ổn định cho chị T được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; Chấp nhận yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung của đương sự mà không đề cập giải quyết; Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có nợ chung, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Võ Thị Thu T với anh Đỗ Trọng N được gia đình hai bên tác hợp, tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thành phố Z nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Trọng N đã được Tòa án tổng đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh N chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, bất đồng quan điểm, anh N nhiều lần hành hung, đánh đập chị nên từ năm 2019 chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh N từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị T kiên quyết ly hôn; anh N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị Thủy với anh Nghĩa đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị T trình bày vợ chồng có con chung là Đỗ Võ Bảo K, sinh ngày 15.6.2013, đang sống với chị T và bên ngoại. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu K đang sống với chị T nên cần thiết ổn định quyền nuôi con cho chị T như hiện trạng thực tế là phù hợp yêu cầu của đương sự và nguyện vọng của các cháu theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa, điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này.

[5] *Về tài sản chung*: Do đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu T đối với bị đơn anh Đỗ Trọng N.

1. *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Đỗ Trọng N.
2. *Về con chung*: Chị Võ Thị Thu T được quyền nuôi con chung tên Đỗ Võ Bảo K, sinh ngày 15.6.2013 đến trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng cho con.
Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.
3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng nên không đề cập giải quyết.
4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự (nguyên đơn) về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.
5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng. Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/012108 ngày 04.5.2020 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND xã Y, tp. Z
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền